

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BIG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

2 – 3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Báo cáo Tình hình tài chính riêng giữa niên độ

5 – 6

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ

7

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

8

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

9 – 38

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư BIG (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư BIG (đổi tên từ Công ty cổ phần Big Group Holdings), tiền thân là Công ty cổ phần Thiết bị công nghệ Nam Sơn, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108045831 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2017, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 16 ngày 29/06/2026 về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, địa chỉ công ty, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108045831 thay đổi lần thứ 16 ngày 29/06/2026 là 341.814.520.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi một tỷ tám trăm mười bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BIG INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY
Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu BIG.

Trụ sở chính của Công ty tại số 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Kiều Văn Khoa	Chủ tịch	<i>Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2026</i>
Ông Kiều Văn Khoa	Thành viên	<i>Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2026</i>
Ông Võ Phi Nhật Huy	Chủ tịch	<i>Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2026</i>
Ông Võ Phi Nhật Huy	Thành viên	<i>Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2026</i>
Bà Trần Thị Mưa Thao	Thành viên	<i>Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2026</i>
Ông Trần Nhật Đức	Thành viên	<i>Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2026</i>
Ông Võ Thuận Hòa	Thành viên độc lập	

Ban Điều hành

Ông Võ Phi Nhật Huy	Tổng Giám đốc	<i>Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2026</i>
Bà Trần Thị Mưa Thao	Tổng Giám đốc	<i>Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2026</i>
Bà Trần Thị Mưa Thao	Phó Tổng Giám đốc	<i>Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2026</i>
Ông Nguyễn Minh Khang	Phó Tổng Giám đốc	<i>Bổ nhiệm từ ngày 25/02/2026</i>
Ông Nguyễn Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	<i>Bổ nhiệm từ ngày 19/05/2026</i>

Ban Kiểm soát

Ông Tấn Lộc Louis	Trưởng ban Kiểm soát	<i>Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2026</i>
Ông Triệu Hiếu Khánh	Thành viên Ban Kiểm soát	<i>Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2026</i>
Ông Võ Tuấn Hải	Thành viên Ban Kiểm soát	<i>Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2026</i>

Từ ngày 29/04/2026, Công ty thay đổi mô hình tổ chức và hoạt động, không còn Ban Kiểm soát và thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KÌ TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo báo cáo tài chính riêng đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Kiều Văn Khoa

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		281.350.395.702	142.123.248.335
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	120.836.517.601	31.877.953.127
1. Tiền	111		613.983.354	31.877.953.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.222.534.247	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.952.678.353	97.199.782.083
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	60.017.161.043	45.190.089.703
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	71.926.181.819	51.937.770.922
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	9.335.491	71.921.458
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	28.398.804.937	12.883.913.516
1. Hàng tồn kho	141		28.398.804.937	12.883.913.516
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		162.394.811	161.599.609
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.7	159.394.811	158.599.609
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.14	3.000.000	3.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		288.451.048.626	246.152.852.023³
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34.186.636.000	2.180.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.4	34.186.636.000	2.180.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		114.236.466.987	117.184.431.819
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	44.198.816.987	47.146.781.819
- Nguyên giá	222		50.040.536.045	51.606.917.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.841.719.058)	(4.460.136.044)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	70.037.650.000	70.037.650.000
- Nguyên giá	228		70.143.191.800	70.143.191.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(105.541.800)	(105.541.800)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	5.10	22.355.184.759	20.372.308.613
- Nguyên giá	241		23.578.860.327	21.407.088.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.223.675.568)	(1.034.779.714)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.5	114.709.527.179	104.966.724.304
1. Đầu tư vào công ty con	261		114.800.000.000	105.000.000.000
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(90.472.821)	(33.275.696)
VII. Tài sản dài hạn khác	270		2.963.233.701	1.449.387.287
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7	2.963.233.701	1.449.387.287
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		569.801.444.328	388.276.100.358

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		215.197.098.571	188.691.476.773
I. Nợ ngắn hạn	310		165.434.137.232	139.681.792.773
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	36.561.989.494	9.889.874.097
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	642.987.707	1.726.064.217
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.13	6.214.466.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.14	13.426.120.608	14.727.343.997
5. Phải trả người lao động	315		452.956.687	381.493.000
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.15	753.935.950	536.766.956
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	5.17	-	54.000.000
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.16	2.758.153.949	298.709.439
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.18	104.623.526.837	112.067.541.067
II. Nợ dài hạn	330		49.762.961.339	49.009.684.000
1. Phải trả dài hạn khác	338	5.16	3.003.000.000	393.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.18	46.759.961.339	48.616.684.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	354.604.345.757	199.584.623.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		341.814.520.000	159.895.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		341.814.520.000	159.895.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(526.100.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.315.925.757	39.689.323.585
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		2.402.527.585	3.152.108.823
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		10.913.398.172	36.537.214.762
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		569.801.444.328	388.276.100.358

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Văn Hùng

Lê Văn Hùng

Kiều Văn Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	187.410.164.929	208.693.783.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		187.410.164.929	208.693.783.918
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	160.033.838.801	198.780.113.446
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.376.326.128	9.913.670.472
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	705.568.104	444.144.616
8. Chi phí tài chính	23	6.4	7.770.220.723	4.081.136.351
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		7.713.023.598	4.081.136.351
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.361.175.197	826.157.682
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.389.616.679	2.631.719.805
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.560.881.633	2.818.801.250
12. Thu nhập khác	31	6.6	39.200.000	-
13. Chi phí khác	32	6.6	860.871.761	12.683.119
14. Lợi nhuận khác	40		(821.671.761)	(12.683.119)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.739.209.872	2.806.118.131
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.825.811.700	561.223.626
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.913.398.172	2.244.894.505

Người lập biểu

Lê Văn Hùng

Kế toán trưởng

Lê Văn Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kiên Văn Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐẦU TƯ BIG

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Địa chỉ: 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.739.209.872	2.806.118.131
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.703.116.040	1.227.851.525
- Các khoản dự phòng	03	57.197.125	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(63.696.201)	(889.719)
- Chi phí đi vay	06	7.713.023.598	4.081.136.351
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	23.148.850.434	8.114.216.288
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(66.759.532.270)	(31.819.090.969)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.514.891.421)	23.107.712.187
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	27.012.623.248	(85.730.431.631)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(1.514.641.616)	218.666.842
- Chi phí đi vay đã trả	14	(7.666.565.857)	(3.988.213.451)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(293.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.587.157.482)	(90.097.140.734)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.171.772.000)	(38.017.709.318)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	845.454.545	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.800.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	34.396.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	651.986.302	889.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.474.331.153)	(3.620.819.599)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	150.320.790.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	98.974.414.841	161.569.113.149
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(108.275.151.732)	(73.537.283.867)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	141.020.053.109	88.031.829.282
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	88.958.564.474	(5.686.131.051)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.877.953.127	33.196.042.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	120.836.517.601	27.509.911.626

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Văn Hùng

Lê Văn Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kiều Văn Khoa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư BIG (đổi tên từ Công ty cổ phần Big Group Holdings), tiền thân là Công ty cổ phần Thiết bị công nghệ Nam Sơn, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108045831 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2017, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 16 ngày 29/06/2026 về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, địa chỉ công ty, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108045831 thay đổi lần thứ 16 ngày 29/06/2026 là 341.814.520.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi một tỷ tám trăm mười bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu BIG.

Trụ sở chính của Công ty tại số 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Chi tiết: Trừ bán buôn kim loại quý và đá quý; Bán buôn đồ uống; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị khác; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, Chi tiết: Loại trừ định giá, đấu giá bất động sản; Cung ứng và quản lý nguồn lao động, Chi tiết: Trừ hoạt động đưa lao động ra nước ngoài; Quảng cáo, Chi tiết: Trừ quảng cáo thuốc lá; Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa, Chi tiết: Trừ đấu giá và không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền phân phối; Chuẩn bị mặt bằng, Chi tiết: Trừ hoạt động nổ mìn; Lắp trình máy vi tính, Chi tiết: Cung cấp thiết bị vi mạch; Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, Chi tiết: Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng; Dịch vụ phần mềm; Dịch vụ xử lý dữ liệu; Dịch vụ cơ sở dữ liệu; Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng bao gồm cả máy tính; Các dịch vụ máy tính khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan, Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; Xuất bản phần mềm, Chi tiết: Sản xuất phần mềm; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Khảo sát, thiết kế công trình giao thông; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật. Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp, công trình đường bộ, thủy lợi. Thẩm tra thiết kế và dự toán. Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án, lập và đánh giá hồ sơ mời thầu các công trình xây dựng; Xây dựng nhà không để ở; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Huấn luyện, đào tạo kinh doanh; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, Chi tiết: (trừ máy bay, khí cầu); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản); Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn thực phẩm, Chi tiết: Bán buôn cà phê; Bán buôn tổng hợp, Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu, chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất cà phê; Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; Đại lý du lịch; Điều hành tour du lịch; Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Phá dỡ; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh; Cơ sở lưu trú khác; Sản xuất điện; Trồng cây ăn quả; Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm; Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; Chăn nuôi gia cầm; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Dịch vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ); Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu...

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ bao gồm kinh doanh vật liệu xây dựng, nông sản, tư vấn môi giới, cho thuê bất động sản, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các Công ty con, đơn vị trực thuộc như sau

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty cổ phần môi giới Big Bro	62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ môi giới	90%	90%	90%
2. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Big CT	số 35-37 Đường số 4, KDC Trung Sơn, xã Bình Hưng, HCM	Kinh doanh VLXD	90%	90%	90%
3. Công ty cổ phần Big Land Group	số 35-37 Đường số 4, KDC Trung Sơn, xã Bình Hưng, HCM	Kinh doanh dịch vụ BĐS và lưu trú	60%	60%	60%
4. Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Big EXPO	503+505, đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Kinh doanh nông sản	90%	90%	90%
5. Công ty cổ phần Big FNB	95 Võ Thị Sáu, phường Xuân Hòa, TP HCM	Kinh doanh dịch vụ ăn uống	98%	99%	98%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 30/06/2026 bao gồm:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	Số 94 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Lào Cai	Số 503 - 505 Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai
Văn phòng đại diện tại Hà Nội (*)	Số 68, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng	Số 24 Chính Hữu, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng
Địa điểm kinh doanh Trung Sơn	Số 35-37 đường số 4, KDC Trung Sơn, Ấp 4, xã Bình Hưng, thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh Vũng Tàu	147-149 Hoàng Hoa Thám, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh Cần Thơ	31-33 Trần Quang Khải, phường Cái Khế, Cần Thơ
Địa điểm kinh doanh Công ty	95 Võ Thị Sáu, phường Xuân Hòa, TP HCM

(*): Văn phòng đại diện tại Hà Nội đang làm thủ tục đăng mã số thuế nhưng chưa hoàn tất.

1.5 Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ kế toán

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 23 người trong đó cán bộ quản lý là 08 người (Tại ngày 31/12/2025, tổng số nhân viên là 33 người).

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty con được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác theo từng kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu (Tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ; phải thu về thanh lý, nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán mà không phải đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp). Khoản phải thu này bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: khoản phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia bằng tiền, các khoản đã chi hộ bên thứ ba, các khoản bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu chi hộ cho bên giao ủy thác, các khoản cho mượn tài sản phi tiền tệ, tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý,...

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại hoặc bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, Vật kiến trúc	06 - 25 năm
Phương tiện vận tải	06 - 12 năm

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại số 503 - 505 Hoàng Liên, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai và số 31-33 đường Trần Quang Khải, phường Cái Khế, Cần Thơ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Công ty không thực hiện tính hao mòn đối với tài sản cố định vô hình do quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, Vật kiến trúc

Số năm
25 năm

Công ty không thực hiện tính hao mòn đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa văn phòng, khách sạn và hệ thống phòng cháy chữa cháy

Chi phí sửa chữa văn phòng, khách sạn và hệ thống phòng cháy chữa cháy được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 đến 36 tháng.

Các chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo hiểm phân bổ trong thời gian 12 tháng, phần mềm phân bổ trong thời gian 24 tháng, cước phí internet, chữ ký số, sửa chữa thang máy... được phân bổ trong thời gian 06 tháng và 24 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận Các khoản vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay, tiền điện nước, chi phí vận chuyển, thuê kho...tháng 6/2026 phải trả.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại được ghi giảm thặng dư vốn.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, tư vấn môi giới, doanh thu cho thuê bất động sản, doanh thu cho thuê lưu trú ngắn ngày.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ lãi tiền gửi và thu nhập khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, chiết khấu thanh toán, thu phạt hợp đồng và các khoản thu nhập khác. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Chiết khấu thanh toán, thu phạt hợp đồng và các khoản thu nhập khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc kế toán Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp và giá vốn của bất động sản cho thuê trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí vay vốn và dự phòng các khoản đầu tư phát sinh trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt tại quỹ	110.867.860	635.644
Tiền gửi không kỳ hạn	503.115.494	31.877.317.483
Các khoản tương đương tiền (*)	120.222.534.247	-
Tổng	120.836.517.601	31.877.953.127

(*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại, chi tiết như sau:

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP Hà Nội (Lãi suất 4,75%/năm)	120.222.534.247	-
Tổng	120.222.534.247	-

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH OPMEC	4.458.000.000	-	5.996.607.987	-
Công ty TNHH Cơ khí và tự động hoá công nghiệp	384.320.121	-	2.235.077.765	-
Công ty TNHH SXTM An Phong CT	-	-	4.742.211.600	-
Công ty cổ phần ĐTPT Hàng Hải Bình An Hưng Yên	4.160.936.750	-	8.547.202.750	-
Công ty TNHH GP Resource	5.357.443.409	-	9.657.443.409	-
Công ty cổ phần XNK TM Danh Phạm	-	-	4.709.873.490	-
Công ty TNHH Lượng thực và Nông sản T&T Food Rice	9.690.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần TMDV Thời Phong	6.338.756.126	-	-	-
Công ty TNHH TM Phát triển xây dựng Thành Hiếu	8.243.540.037	-	838.997.269	-
Công ty TNHH TM Nông sản Minh Triết	5.415.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	15.969.164.600	-	8.462.675.433	-
Tổng	60.017.161.043	-	45.190.089.703	-

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)

1.604.730.156

-

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty cổ phần TMDV TNB	40.757.552.532	-	21.671.933.332	-
Công ty TNHH Kinh doanh VLXD Thuận Thiên	8.927.415.194	-	13.619.274.400	-
Công ty TNHH Nam Phương Xanh	6.220.879.000	-	7.117.000.000	-
Công ty TNHH Tổng hợp đầu tư TMDV Thiên Long	3.453.222.590	-	9.474.313.590	-
Công ty cổ phần TMDV Xây dựng Nhất Thiên	6.865.287.208	-	-	-
Các đối tượng khác	5.701.825.295	-	55.249.600	-
Tổng	71.926.181.819	-	51.937.770.922	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	9.335.491	-	71.921.458	-
- Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	4.000.000	-	-	-
- Phải thu tạm ứng	1.243.628	-	67.829.595	-
- Phải thu khác	4.091.863	-	4.091.863	-
+ <i>Phải thu khác</i>	<i>4.091.863</i>	-	<i>4.091.863</i>	-
Dài hạn	34.186.636.000	-	2.180.000.000	-
- Cầm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	34.186.636.000	-	2.180.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Tổng	34.195.971.491	-	2.251.921.458	-

- Các khoản đặt cọc ngắn hạn thuê máy photocopy với số tiền là 4.000.000 đồng.
- Các khoản đặt cọc dài hạn thuê khách sạn, văn phòng tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Vũng Tàu với số tiền là 2.110.000.000 đồng.
- Các khoản ký quỹ dài hạn hợp đồng mua bán điện, nước với số tiền là 76.636.000 đồng.
- Các khoản đặt cọc hợp đồng hợp tác và cam kết chuyển nhượng Bất động sản với số tiền là 32.000.000.000 đồng. Trong đó:
 - (*) Đặt cọc 15.000.000.000 đồng cho Ông Võ Phi Nhật Huy - Tổng Giám đốc theo hợp đồng hợp tác đầu tư và cam kết chuyển nhượng Bất động sản số 01/2026/HTĐT/BIG-CT ngày 28/03/2026 và phụ lục đề Hợp tác đầu tư nhận chuyển nhượng đất, xây dựng và khai thác khách sạn, nhà hàng tại phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Thời hạn hoàn tất dự kiến là ngày 31/12/2027.
 - (*) Đặt cọc 17.000.000.000 đồng cho Ông Võ Phi Nhật Huy - Tổng Giám đốc theo hợp đồng hợp tác đầu tư và cam kết chuyển nhượng Bất động sản số 01/2026/HTĐT/BIG-CT ngày 28/03/2026 và phụ lục đề Hợp tác đầu tư, tách thửa và phát triển dự án căn hộ dịch vụ và shophouse tại Phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ. Thời hạn hoàn tất dự kiến là ngày 31/12/2027.

Phải thu khác là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)

67.829.595

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh công ty con, công ty liên kết trong kỳ:

Công ty con/Công ty liên kết	Kết quả hoạt động kinh doanh
Các công ty con	
1. Công ty cổ phần môi giới Big Bro	Hoạt động kinh doanh có lãi
2. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Big CT	Hoạt động kinh doanh có lãi
3. Công ty cổ phần Big Land Group	Hoạt động kinh doanh có lãi
4. Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Big EXPO	Hoạt động kinh doanh có lãi
5. Công ty cổ phần Big FNB	Hoạt động kinh doanh bị lỗ

BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.5 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Tỷ lệ		30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (i)	Giá trị dự phòng	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con				114.800.000.000	114.709.527.179	(90.472.821)	104.966.724.304
- Công ty cổ phần môi giới Big Bro	90%		90%	27.000.000.000	27.000.000.000	-	26.966.724.304
- Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Big CT	90%		90%	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000
- Công ty cổ phần Big Land Group	60%		60%	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Big EXPO	90%		90%	27.000.000.000	27.000.000.000	-	27.000.000.000
- Công ty cổ phần Big FNB (ii)	99%		98%	9.800.000.000	9.709.527.179	(90.472.821)	-
Tổng				114.800.000.000	114.709.527.179	(90.472.821)	104.966.724.304
							(33.275.696)

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

(ii): Trong kỳ, Công ty đã thực hiện góp đủ số vốn đã cam kết vốn vào Công ty cổ phần Big FNB theo Nghị quyết số 07/2026/BIG/NQ-HDQT ngày 25/03/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Sản phẩm	-	-	-	-
Hàng hoá	28.398.804.937	-	12.883.913.516	-
<i>Hàng hóa khác</i>	<i>28.398.804.937</i>	<i>-</i>	<i>12.883.913.516</i>	<i>-</i>
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng hoá, nguyên liệu kho bảo thuế	-	-	-	-
Tổng	28.398.804.937	-	12.883.913.516	-

5.7 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Ngắn hạn	159.394.811	158.599.609
- Công cụ dụng cụ, thiết bị phân bổ	50.678.928	96.311.203
- Chi phí bảo hiểm	53.609.594	37.387.004
- Chi phí sửa chữa thang máy	43.153.705	-
- Chi phí trả trước khác	11.952.584	24.901.402
Dài hạn	2.963.233.701	1.449.387.287
- Công cụ dụng cụ, thiết bị phân bổ	370.464.320	368.916.665
- Chi phí sửa chữa văn phòng, khách sạn	2.478.277.435	892.696.685
- Chi phí sửa chữa hệ thống PCCC	112.511.493	187.519.162
- Các khoản chi phí khác	1.980.453	254.775
Tổng	3.122.628.512	1.607.986.896

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

§. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

§.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2026	48.555.190.591	3.051.727.272	51.606.917.863
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.566.381.818)	(1.566.381.818)
Tại ngày 30/06/2026	48.555.190.591	1.485.345.454	50.040.536.045
GIÁ TRỊ HAO MÒN LỖY KẾ			
Tại ngày 01/01/2026	4.329.604.224	130.531.820	4.460.136.044
Khấu hao trong kỳ	1.406.061.168	108.159.018	1.514.220.186
Thanh lý, nhượng bán	-	(132.637.172)	(132.637.172)
Tại ngày 30/06/2026	5.735.665.392	106.053.666	5.841.719.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2026	44.225.586.367	2.921.195.452	47.146.781.819
Tại ngày 30/06/2026	42.819.525.199	1.379.291.788	44.198.816.987

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/06/2026 là 44.198.816.987 VND (Ngày 01 tháng 01 năm 2026: 47.146.781.819 VND).

Danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại

Tên tài sản

Nhà cửa vật kiến trúc				
Công trình tòa nhà phức hợp Lào Cai	33.657.730.591	4.817.581.310	28.840.149.281	33.657.730.591
Tòa nhà ở phường Cái Khế, TP Cần Thơ	14.897.460.000	918.084.082	13.979.375.918	14.897.460.000
				401.242.210
				3.928.362.014
				29.729.368.577
				14.496.217.790

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BIG

Địa chỉ: 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2026	70.037.650.000	105.541.800	70.143.191.800
Mua trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	70.037.650.000	105.541.800	70.143.191.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	-	105.541.800	105.541.800
Tại ngày 30/06/2026	-	105.541.800	105.541.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2026	70.037.650.000	-	70.037.650.000
Tại ngày 30/06/2026	70.037.650.000	-	70.037.650.000

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/06/2026 là 70.037.650.000 VND (Ngày 01 tháng 01 năm 2026: 70.037.650.000 VND).

- Nguyên giá TSCĐ của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2026 là 105.541.800 VND (Ngày 01 tháng 01 năm 2026: 105.541.800 VND).

Danh mục các TSCĐ vô hình hiện đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

Tên tài sản	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất				
Quyền sử dụng đất thửa số 102 tại phường Lào Cai, Lào Cai	31.669.500.000	-	31.669.500.000	-
Quyền sử dụng đất thửa số 290 tại phường Lào Cai, Lào Cai	13.577.500.000	-	13.577.500.000	-
Quyền sử dụng đất ở thửa số 406, phường Cái Khế, TP Cần Thơ	24.790.650.000	-	24.790.650.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.10 Tăng giảm bất động sản đầu tư

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

NGUYÊN GIÁ

Nhà và quyền sử dụng đất

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Nhà và quyền sử dụng đất

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Nhà và quyền sử dụng đất

Số đầu kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ
21.407.088.327	2.171.772.000	-	23.578.860.327
21.407.088.327	2.171.772.000	-	23.578.860.327
1.034.779.714	188.895.854	-	1.223.675.568
1.034.779.714	188.895.854	-	1.223.675.568
20.372.308.613	1.982.876.146	-	22.355.184.759
20.372.308.613	1.982.876.146	-	22.355.184.759

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 196.363.638 VND và 188.895.854 VND.

Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/06/2026 là 22.355.184.759 VND (Ngày 01 tháng 01 năm 2026: 20.372.308.613 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản tại ngày 30/06/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của 9 mảnh đất tại ấp Suối Cao A, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của tài sản này tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Danh mục các Bất động sản đầu tư hiện đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng giá trị bất động sản đầu tư trở lên:

Tên tài sản	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của 9 mảnh đất tại ấp Suối Cao A, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh	23.578.860.327	1.223.675.568	22.355.184.759	20.372.308.613

Địa chỉ: 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty cổ phần đúc áp lực IDcast Việt Nam	68.960.656	798.739.686
Công ty cổ phần xây dựng Kiến trúc SGG	945.377.510	1.346.698.245
Công ty cổ phần M.A.P Global	-	441.480.871
Công ty cổ phần ô tô An Thái	-	1.560.880.000
Công ty cổ phần TMDV XD Nhất Thiên	-	3.107.921.083
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Ngọc Thiện	27.090.000.000	-
Công ty cổ phần Sinh Thái 5F	1.914.563.000	-
Công ty TNHH Thép DC Hà Nội	2.359.306.957	869.488.627
Các nhà cung cấp khác	4.183.781.371	1.764.665.585
Tổng	36.561.989.494	9.889.874.097

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

5.12 Người mua trả trước ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH SX và TM Thép Hải Phúc Thịnh	-	719.064.217
Công ty TNHH TM và DV Đại Việt Luxury	-	900.000.000
Công ty cổ phần Big Land Group	642.987.707	-
Các khách hàng khác	-	107.000.000
Tổng	642.987.707	1.726.064.217

Trong đó:

Người mua trả trước là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)

5.13 Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	6.214.466.000	-

Công ty thực hiện chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2026 về việc chi trả cổ tức bằng tiền. Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt 2% trên vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời gian chi trả dự kiến là ngày 30/09/2026 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19/2026/BIG/NQ-HĐQT ngày 27/07/2026.

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2026
Phải nộp	14.727.343.997	5.661.497.583	6.962.720.972	13.426.120.608
<i>Ngắn hạn</i>	14.727.343.997	5.661.497.583	6.962.720.972	13.426.120.608
Thuế giá trị gia tăng	5.217.677.807	2.512.956.762	6.388.072.386	1.342.562.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.190.437.786	2.825.811.700	293.000.000	11.723.249.486
Thuế thu nhập cá nhân	115.228.404	117.395.789	77.648.586	154.975.607
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	204.000.000	205.333.332	204.000.000	205.333.332
Phải thu	3.000.000	-	-	3.000.000
Thuế môn bài nộp thừa	3.000.000	-	-	3.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.15 Chi phí phải trả

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	753.935.950	536.766.956
Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	420.160.675	373.702.934
Chi phí điện nước	117.025.275	154.863.990
Chi phí thuê kho, vận chuyển	216.750.000	8.200.032
Dài hạn	-	-
Tổng	753.935.950	536.766.956

5.16 Phải trả khác

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	2.758.153.949	298.709.439
Kinh phí công đoàn	5.860.000	-
Bảo hiểm xã hội	32.130.000	44.494.278
Bảo hiểm y tế	5.670.000	6.097.500
Bảo hiểm thất nghiệp	2.520.000	2.710.000
Các khoản phải trả khác	473.949	1.807.661
+ Phải trả khác	473.949	1.807.661
Nhận ký quỹ, ký cược	2.711.500.000	243.600.000
Dài hạn	3.003.000.000	393.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	3.003.000.000	393.000.000
Tổng	5.761.153.949	691.709.439
Trong đó:		
Phải trả khác là các bên liên quan	5.300.000.000	15.000.000
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)		

5.17 Doanh thu chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	-	54.000.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	54.000.000
Dài hạn	-	-
Tổng	-	54.000.000

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

ay.

	30/06/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2026
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	100.694.414.841	97.694.414.841	105.244.429.067	108.244.429.067
+ Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	18.806.249.596	18.806.249.596	18.803.658.564	18.803.658.564
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sài Gòn (ii)	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Củ Chi (iii)	43.973.165.245	43.973.165.245	16.532.287.704	16.532.287.704
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP Hồ Chí Minh (iv)	14.915.000.000	14.915.000.000	14.915.000.000	14.915.000.000
+ Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Lào Cai (v)	20.000.000.000	20.000.000.000	19.993.482.799	19.993.482.799
+ Công ty tài chính Tin Việt (vi)	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
+ Công ty tài chính Điện Lực (vii)	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.929.111.996	2.092.555.996	1.986.556.000	3.823.112.000
+ Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN TP HCM (i)	1.793.112.000	896.556.000	896.556.000	1.793.112.000
+ Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng (ii)	255.999.996	255.999.996	-	-
+ Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng (iii)	-	-	150.000.000	150.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai (iv)	1.880.000.000	940.000.000	940.000.000	1.880.000.000
Cộng vay ngắn hạn	104.623.526.837	99.786.970.837	107.230.985.067	112.067.541.067
Vay dài hạn	46.759.961.339	1.280.000.000	3.136.722.661	48.616.684.000
+ Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN TP HCM (i)	22.712.628.000	-	896.556.000	23.609.184.000
+ Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng (ii)	917.333.339	1.280.000.000	362.666.661	-
+ Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng (iii)	-	-	937.500.000	937.500.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai (iv)	23.130.000.000	-	940.000.000	24.070.000.000
Tổng	151.383.488.176	101.066.970.837	110.367.707.728	160.684.225.067

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BIG

Địa chỉ: 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

(i) Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - CN Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng hạn mức số HDTD503202500061 ngày 21/5/2025, hạn mức vay là 28.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng từ 21/05/2025. Công ty vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của 9 mảnh đất tại ấp Suối Cao A, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh (Chi tiết tại thuyết minh 5.10) và các tài sản của bên thứ ba.

(ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sài Gòn

Hợp đồng cấp tín dụng số 0114/SGN.KHDN/LD25 ngày 13/5/2025 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0114/SGN.KHDN/LD25-01 ngày 10/06/2025, hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng là 36 tháng từ ngày 13/05/2025; Hạn mức cho vay bao gồm: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0115/SGN.KHDN/LD25 ngày 13/5/2025, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0115/SGN.KHDN/LD25-01 ngày 10/06/2025, Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 0116/SGN.KHDN/LD25 ngày 13/05/2025, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 0116/SGN.KHDN/LD25-01 ngày 10/06/2025, Hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 0117/SGN.KHDN/LD25 ngày 13/05/2025, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0117/SGN.KHDN/LD25-01 ngày 10/06/2025. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng. Lãi suất vay được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm: 2.500.000 cổ phiếu BIG của Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Big được lưu ký trên tài khoản số 094C024305.01 tại Công ty CP chứng khoán Nhất Việt và các tài sản của bên thứ ba.

(iii) Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Củ Chi

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 281932.25.900.37054416.TD ngày 10/04/2025, phụ lục hợp đồng số 281932.25.900.37054416.TD.PL01 ngày 10/04/2025, phụ lục hợp đồng số 281932.25.900.37054416.TD.PL02 ngày 16/04/2025, phụ lục hợp đồng số 281932.25.900.37054416.TD.PL03 ngày 11/09/2025. Hạn mức 30.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng từ 10/04/2025 đến 17/02/2026. Lãi suất vay được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản của bên thứ ba.

Hợp đồng tín dụng 394849.26.900.37054416.TD ngày 09/04/2026, hạn mức 60.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng từ 09/04/2026 đến 7/4/2027. Lãi suất vay được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm: các tài sản của bên thứ ba; toàn bộ hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ; Tiền ký quỹ tại MB, Tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi/ Sổ tiết kiệm/ Giấy tờ có giá do MB phát hành hoặc MB chấp nhận.

Địa chỉ: 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.18 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

(iv) Ngân hàng VN Thịnh Vương - CN TP Hồ Chí Minh

Khoản vay theo Thỏa thuận về cấp tín dụng số CLC-38542/7961974/TTK ngày 24/03/2025; Hợp đồng tín dụng số CLC-51165-01 ngày 29/07/2025; hạn mức tín dụng là 38.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích: Bổ sung vốn cho hoạt động thương mại sắt, thép, kim loại khác. Khoản vay được đảm bảo bằng Tài sản của bên thứ ba.

Hợp đồng CLC-56772-01 ngày 10/09/2025 hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

Mục đích: Bổ sung vốn cho hoạt động thương mại sắt, thép. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Hợp đồng tín dụng số 8800-LAV202501597 ngày 13 tháng 10 năm 2025, hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng, Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Quyền SD đất: Thửa đất 39 bản đồ số 27 đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, TP Lào Cai, diện tích 216,82m², Nhà ở trên đất diện tích 121,8m², diện tích sàn 639m² theo GCN quyền SD đất quyền sở hữu nhà ở và TS gắn liền với đất số DL 515047 do VP ĐK đất đai tỉnh Lào Cai cấp ngày 11/8/2023 đứng tên Công ty. (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.8 và 5.9).

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2200006694 ngày 12/11/2025. Hạn mức: 2.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có Tài sản bảo đảm.

Hợp đồng tín dụng số MSLADWL355121 ngày 04/12/2025. Hạn mức: 1.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có Tài sản bảo đảm.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BIG

Địa chỉ: 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

c. Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn

(i) Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng vay số CLC-38542-01 ngày 24/03/2025 (HĐ vay dài hạn), Đề nghị giải ngân kèm KUNN ngày 25/03/2025. Hạn mức: 26.000.000.000 đồng. Thời hạn: 180 tháng từ 25/03/2025. Mục đích vay là mua bất động sản. Lãi suất 11,5% từ 25/03/2025 và được điều chỉnh 12 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 01294321, GCN:VP2334 VP đăng ký đất đai Cần Thơ cấp ngày 14/05/2025. Thửa đất số 406 tờ bản đồ số 59 địa chỉ 31-33 đường Trần Quang Khải, Phường Cái Khế, TP Cần Thơ đứng tên Công ty. (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.8 và 5.9).

(ii) Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng

Hợp đồng cho vay kèm HĐ thế chấp xe ô tô số 150126-7961974-AUTO-1/HĐ (HĐ vay dài hạn), Giải ngân theo Khế ước 150126-7961974-AUTO-1 ngày 15/01/2026; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất: 7,9% cho 12 tháng đầu tiên, sau đó 12 tháng điều chỉnh 1 lần (ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên: 15/01/2027). Mục đích vay xe ô tô Vinfast VF9. Tài sản thế chấp xe ô tô Vinfast VF9 biển KS 30M-784.22, Giấy chứng nhận ĐK xe số 2900167645 do bộ CA cấp ngày 12/01/2026. (Chi tiết tại Thuyết minh 5.8)

(iii) Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng

Hợp đồng cấp tín dụng số SHBVN/SSG/2025-HD TD-070 ngày 25/02/2025 (HĐ vay dài hạn), Đơn rút vốn vay kèm KUNN ngày 03/03/2025. Hạn mức: 1.200.000.000 đồng. Mục đích vay mua tài sản là ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn: 96 tháng từ 03/03/2025. Lãi suất 7,9% từ 03/03/2025 và được điều chỉnh 03 tháng 1 lần. Tài sản thế chấp là Xe Vinfast VF9 Plus E6AC01 BKS 51L-619.60 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50079280 của Công ty. (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.8).

(iv) Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Lào Cai

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 8800-LAV-20241462 ngày 13/9/2024, hạn mức 28.300.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng từ ngày 13/09/2024. Lãi suất vay 6,5%/năm từ thời điểm 13/09/2024 đến 13/09/2026, từ ngày 14/09/2026 điều chỉnh lãi vay 06 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất 34 bản đồ số 27 đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, TP Lào Cai, diện tích 525,5m2 của Công ty (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.8 và 5.9).

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BIG

Địa chỉ: 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	Tổng
Số dư đầu năm trước	150.846.890.000	-	-	12.200.518.823	163.047.408.823	
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	36.537.214.762	36.537.214.762	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	9.048.410.000	-	-	(9.048.410.000)		-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	159.895.300.000	-	-	39.689.323.585	199.584.623.585	
Tăng vốn điều lệ (*)	150.846.890.000	(526.100.000)	-	-	150.320.790.000	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	10.913.398.172	10.913.398.172	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (**)	31.072.330.000	-	-	(37.286.796.000)	(6.214.466.000)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	341.814.520.000	(526.100.000)	-	13.315.925.757	354.604.345.757	

(*): Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ bằng hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2025. Việc tăng vốn đã hoàn thành theo Văn bản số 2166/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/03/2026 và Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 13 ngày 02/04/2026.

(**): Công ty thực hiện chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2026 về việc chi trả cổ tức.

- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ tức bằng cổ phiếu 10% trên vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông với giá trị là 31.072.330.000 đồng). Cổ tức trả bằng cổ phiếu được hoàn tất vào ngày 29/06/2026.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt 2% trên vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông với giá trị là 6.214.466.000 đồng. Thời gian chi trả dự kiến là ngày 30/09/2026 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19/2026/BIG/NQ-HĐQT ngày 27/07/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Võ Phi Nhật Huy	68.409.230.000	32.000.560.000
Trần Sinh Vương	-	11.000.000.000
Các cổ đông khác	273.405.290.000	116.894.740.000
Tổng	341.814.520.000	159.895.300.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	159.895.300.000	150.846.890.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	181.919.220.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	341.814.520.000	150.846.890.000
Cổ tức:	37.286.796.000	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.181.452	15.989.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.181.452	15.989.530
Cổ phiếu phổ thông	34.181.452	15.989.530
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.181.452	15.989.530
Cổ phiếu phổ thông	34.181.452	15.989.530
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BIG

Địa chỉ: 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.20 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2026:

b. Tài sản cố định

STT	Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	33.657.730.591	28.840.149.281	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai	Khoản vay dài hạn	13/09/2039
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	14.897.460.000	13.979.375.918	Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN TP Hồ Chí Minh	Khoản vay dài hạn	25/03/2040
2.	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình	1.485.345.454	1.379.291.788	Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN TP Hồ Chí Minh	Khoản vay dài hạn	15/01/2031
3.	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình	31.669.500.000	31.669.500.000	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai	Khoản vay dài hạn	13/09/2039
3.	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình	13.577.500.000	13.577.500.000	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai	Khoản vay ngắn hạn	21/09/2026
3.	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình	24.790.650.000	24.790.650.000	Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN TP Hồ Chí Minh	Khoản vay dài hạn	25/03/2040
c.	Bất động sản đầu tư						
STT	Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1.	Nhà và quyền sử dụng đất	Bất động sản đầu tư	23.578.860.327	22.355.184.759	Ngân hàng TMCP Lạc Phát Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	Khoản vay ngắn hạn	18/10/2026

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	157.471.746.238	200.711.728.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.742.055.053	7.821.473.240
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	196.363.638	160.581.819
Tổng	187.410.164.929	208.693.783.918
Doanh thu với các bên liên quan	13.368.623.052	10.290.741
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)		

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	153.055.003.511	194.752.826.868
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.789.939.436	3.839.144.812
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	188.895.854	188.141.766
Tổng	160.033.838.801	198.780.113.446

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	655.568.104	889.719
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền	-	-
Chiết khấu thanh toán	50.000.000	443.254.897
Tổng	705.568.104	444.144.616

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí lãi vay	7.713.023.598	4.081.136.351
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do bán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	57.197.125	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	-
Tổng	7.770.220.723	4.081.136.351

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (Tiếp theo)

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2.298.024.575	1.627.759.704
Chi phí đồ dùng văn phòng	432.061.878	104.097.774
Chi phí khấu hao TSCĐ	108.159.018	52.212.728
Thuế, phí và lệ phí	-	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.009.586.392	582.706.905
Chi phí khác bằng tiền	541.784.816	257.942.694
Tổng	4.389.616.679	2.631.719.805
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	950.471.407	638.091.561
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.873.233	4.768.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.830.557	156.763.755
Chi phí khác bằng tiền	-	26.533.499
Tổng	1.361.175.197	826.157.682

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập khác	39.200.000	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	-
- Thu từ khoản bồi thường hợp đồng	39.200.000	-
Chi phí khác	860.871.761	12.683.119
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	648.290.101	-
- Tiền phạt thuế, chậm nộp BHXH	172.701.600	12.683.119
- Các khoản khác	39.880.060	-
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	(821.671.761)	(12.683.119)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	441.935.111	108.866.641
Giá mua hàng hóa	153.050.003.511	194.737.826.868
Chi phí nhân công	3.248.495.982	2.265.851.265
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.703.116.040	1.227.851.525
Trích lập/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.707.188.948	3.438.295.874
Chi phí khác bằng tiền	633.891.085	459.298.760
Tổng	165.784.630.677	202.237.990.933

Địa chỉ: 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (Tiếp theo)
- 6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.739.209.872	2.806.118.131
Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành		
Điều chỉnh	389.848.628	-
Các khoản chi phí không được trừ	389.848.628	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	14.129.058.500	2.806.118.131
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	14.129.058.500	2.806.118.131
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.825.811.700	561.223.626
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.825.811.700	561.223.626

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần môi giới Big Bro	Công ty con
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Big CT	Công ty con
Công ty cổ phần Big Land Group	Công ty con
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Big EXPO	Công ty con
Công ty cổ phần Big FNB	Công ty con
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Tiền lương và phụ cấp		1.217.059.174	1.182.080.495
Tổng		1.217.059.174	1.182.080.495
Thù lao Hội đồng quản trị			
		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Họ và tên	Chức danh		
Ông Võ Phi Nhật Huy	Thành viên HĐQT	249.188.890	206.930.000
Ông Kiều Văn Khoa	Chủ tịch HĐQT	190.277.777	199.999.998
Ông Võ Thuận Hòa	Thành viên độc lập HĐQT	108.333.334	55.555.556
Ông Trần Nhật Đức	Thành viên HĐQT	58.888.889	
Tổng		606.688.890	462.485.554
Ban Kiểm soát			
Ông Tấn Lộc Louis	Trưởng BKS	111.111.111	144.444.444
Ông Triệu Hiếu Khánh	TV BKS	22.222.223	33.333.330
Ông Võ Tuấn Hải	TV BKS	63.255.000	78.247.000
Bà Trịnh Thị Thanh Phương	Nguyên TV BKS		95.320.000
		196.588.334	351.344.774

Địa chỉ: 62/6 Khuất Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Bà Trần Thị Mưa Thao	Phó Tổng Giám đốc	131.510.000	161.842.620
Bà Nguyễn Thị Hào	Nguyên Phó Tổng Giám đốc		115.782.547
Ông Nguyễn Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	20.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Khang	Phó Tổng Giám đốc	165.309.028	-
Ông Lê Văn Hùng	Kế toán trưởng	96.962.922	90.625.000
Tổng		413.781.950	368.250.167

b. Giao dịch với bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/06/2026	kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Bán hàng				
Công ty cổ phần Big Land Group	Công ty con	Thuê khách sạn, văn phòng	2.351.945.235	-
Công ty cổ phần môi giới Big Bro	Công ty con	Dịch vụ môi giới	10.977.874.181	-
Công ty cổ phần TMDV Big CT	Công ty con	Cho thuê văn phòng	38.803.636	-
Trần Thị Mưa Thao	Phó TGD	Dịch vụ lưu trú		10.290.741
Tổng			13.368.623.052	10.290.741
Mua hàng				
Công ty cổ phần Big Land Group	Công ty con	Phí vận hành	188.888.888	-
Tổng			188.888.888	-

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/06/2026	kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Tạm ứng				
Ông Kiều Văn Khoa	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	20.000.000	-
		Hoàn ứng	20.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Khang	Phó TGD	Tạm ứng	5.000.000	-
		Hoàn ứng	5.000.000	-
Bà Trần Thị Mưa Thao	Phó TGD	Tạm ứng	200.000.000	1.000.000.000
		Hoàn ứng	200.000.000	1.000.000.000
Ông Võ Phi Nhật Huy	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	69.326.153	200.000.000
		Hoàn ứng	113.912.740	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Hào	Nguyên Phó TGD	Tạm ứng		100.000.000
		Hoàn ứng		100.000.000
Bà Trịnh Thị Thanh Phương	Nguyên TV	Tạm ứng		93.403.000
		Hoàn ứng		84.000.000
Ông Võ Tuấn Hải	TV BKS	Tạm ứng	5.240.000	3.000.000
		Hoàn ứng	27.239.380	-
Ông Lê Văn Hùng	Kế toán trưởng	Tạm ứng	-	100.000.000
		Hoàn ứng	-	100.000.000
Đặt cọc				
Ông Võ Phi Nhật Huy	Tổng Giám đốc	Đặt cọc	62.000.000.000	-
		Hoàn cọc	30.000.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

		30/06/2026	01/01/2026
Các bên có liên quan	Mối quan hệ	VND	VND
Phải thu khách hàng		1.604.730.156	-
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Big CT	Công ty con	7.268.000	-
Công ty cổ phần môi giới Big Bro	Công ty con	1.597.462.156	-

